

Bản án số: 02/2020/HS-ST  
Ngày 10-01-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phạm Văn Hải.

2/ Ông Nguyễn Văn Sở.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Yến Khanh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: B); sinh năm 1974 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 (chết) và bà Nguyễn Thị S (chết); chưa có vợ con. Tiền án: ngày 12/11/2007 bị Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 17/02/2009 bị Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 19/11/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 29/12/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tiền sự: không. Nhân thân: ngày 22/11/1992 bị Công an huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh bắt lập danh chỉ bản về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của công dân; ngày 12/9/1996 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt

09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản của công dân; ngày 20/10/2003 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đưa vào Cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:*

1/ Bà Lê Thị X; sinh năm 1963; nơi cư trú: số 118/6 ấp Thanh Phú, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Vắng mặt.

2/ Bà Lê Thị T; sinh năm 1972; nơi cư trú: số 81 ấp 1, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ là đối tượng sống lang thang tại Bến xe Miền Tây, thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17/9/2019, vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đón xe buýt từ Bến xe Miền Tây đến Bến xe Long An, rồi đi bộ đến Bệnh viện Đa khoa Long An mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến Bệnh viện Đa khoa Long An, bị cáo Đ đi vào hành lang trước các phòng bệnh ở lầu 3 thì bị bảo vệ bệnh viện giữ lại và giao cho Công an phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Qua trích xuất camera tại Bệnh viện Đa khoa Long An và làm việc, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại Bệnh viện Đa khoa Long An, cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 30/8/2019, bị cáo Đ đón xe buýt từ Bến xe Miền Tây đến Bến xe Long An, rồi đi bộ đến Bệnh viện Đa khoa Long An mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi bị cáo Đ đến trước phòng bệnh số 216A, phía ngoài hành lang lầu 2 Khoa Ngoại chấn thương thì phát hiện có một túi xách vải màu đen của bà Lê Thị X đang để trên giường bệnh phía dưới chân của chồng bà X đang nằm ngủ, không người trông coi, bị cáo Đ đi lại gần lén lút dùng tay trái lấy trộm giỏ xách rồi nhanh chóng tẩu thoát theo hướng cầu thang khu khám bệnh. Lúc này, bị cáo Đ mở giỏ xách lục tìm tài sản thì phát hiện trong giỏ xách gồm có: 9.500.000 đồng tiền Việt Nam; 01 sợi dây chuyền vàng loại 24k trọng lượng 05 chỉ; 13 vòng đeo tay loại vàng 18k trọng lượng mỗi vòng 01 chỉ; 02 nhẫn vàng loại 18k trọng lượng 02 chỉ; 01 điện thoại di động hiệu FPT màu đỏ đen, bị cáo Đ đã lấy tất cả số tài sản trên cho vào hai túi quần của mình rồi vút giỏ xách tại cầu thang lầu 1. Sau đó, bị cáo Đ đón xe về Bến xe Miền Tây bán các tài sản vừa lấy trộm tại 01 Cửa hàng kinh doanh vàng bạc (không nhớ tên cửa hàng và địa chỉ cụ thể) được 50.000.000 đồng, còn chiếc điện thoại di động hiệu FPT màu đỏ đen, bị cáo Đ bán cho 01 người chạy xe ôm không rõ nhân thân lai lịch được 200.000 đồng. Số tiền có được, bị cáo Đ lấy tiêu xài cá nhân và chơi game bắn cá hết.

- Lần 2: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/9/2019, cũng như lần trước, khi bị cáo Đ đến trước hành lang lầu 6 Khoa Nội tổng hợp Bệnh viện Đa khoa Long

An, bị cáo Đ phát hiện 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J8 để trên ghế bô của bà Lê Thị T nhưng bà T quay mặt về hướng khác nên bị cáo Đ đi lại gần lên lút dùng tay trái lấy trộm bỏ vào túi quần bên trái rồi nhanh chóng tẩu thoát theo hướng cầu thang khám bệnh. Sau đó, bị cáo Đ bắt xe về Bến xe Miền Tây, bán lại điện thoại vừa trộm được cho một người chạy xe ôm, không rõ nhân thân lai lịch được 1.800.000 đồng. Số tiền bán được, bị cáo Đ tiêu xài hết. Qua làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 266/KL-HĐĐG ngày 18/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tân An, tỉnh Long An xác định: 01 sợi dây chuyền vàng loại 24k trọng lượng 05 chỉ có giá trị là 20.925.000 đồng; 13 vòng đeo tay loại vàng 18k trọng lượng mỗi vòng 01 chỉ có giá trị là 39.962.000 đồng; 01 nhẫn vàng loại 18k trọng lượng 1,5 chỉ có giá trị là 4.611.000 đồng; 01 nhẫn vàng loại 18k trọng lượng 0,5 chỉ có giá trị là 1.537.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu FPT màu đỏ đen có giá trị là 125.000 đồng, tổng cộng là 67.160.000 đồng.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 264/KL-HĐĐG ngày 18/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tân An, tỉnh Long An xác định: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J8 có giá trị là 4.683.000 đồng.

Về bồi thường thiệt hại: Do số tài sản bị cáo Nguyễn Văn Đ lấy trộm đã bán không thu hồi được, các người bị hại bà Lê Thị X và bà Lê Thị T yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường lại giá trị các tài sản đã bị chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thành phố Tân An. Tổng số tiền phải bồi thường cho bà Lê Thị X là 76.660.000 đồng; số tiền phải bồi thường cho bà Lê Thị T là 4.683.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bà Tâm không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại cáo trạng số 02/CT-VKSTA-HS ngày 18/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An truy tố tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSTA-HS ngày 18/12/2019. Cụ thể: Truy tố: Về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào các điểm c, g khoản 2, Điều 173; Điều 50; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Áp dụng

Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị X số tiền là 76.660.000 đồng; Bà Lê Thị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không đề cập. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật, cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, bị cáo biết lỗi, rất hối hận, cho bị cáo gửi lời xin lỗi đến các người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tân An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự, biên bản khám nghiệm hiện trường thực nghiệm, sơ đồ hiện trường thực nghiệm, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau, không có mâu thuẫn.

Qua lời khai nhận hành vi của bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo được xét hỏi tại phiên tòa đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo như sau: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo Nguyễn Văn Đ đi đến Bệnh viện Đa khoa Long An lấy trộm tài sản, với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 81.343.000 đồng, cụ thể như sau: Lần 1: vào ngày 30/8/2019, bị cáo Đ lén lút lấy trộm 01 túi xách thuộc sở hữu của bà Lê Thị X, bên trong giỏ xách gồm có 9.500.000 đồng tiền Việt Nam; 01 sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ; 13 vòng đeo tay vàng 18k, mỗi vòng trọng lượng 01 chỉ; 02 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 02 chỉ; 01 điện thoại di động FPT màu đỏ đen, tổng tài sản chiếm đoạt có giá trị là 76.660.000 đồng. Lần 2: vào ngày 16/9/2019 bị cáo Đ lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J8 có giá trị 4.683.000 đồng thuộc sở hữu của bà Lê Thị T. Đến ngày 17/9/2019 trong lúc đang tìm tài sản sơ hở tại Bệnh viện Đa khoa Long An thì bị lực lượng bảo vệ phát hiện trình báo Công An. Với hành vi lén lút của bị cáo Nguyễn Văn Đ và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm

hình sự, phạm tội do cố ý nên hành vi vi phạm của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 81.343.000 đồng thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng và bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là các tình tiết định khung được quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời qua phân tích, đánh giá nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ theo các điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và hoàn toàn chính xác đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi trái pháp luật do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc xem thường pháp luật, bị cáo có đủ sức khỏe lao động phục vụ bản thân, lo cho gia đình và đóng góp cho xã hội nhưng lại không chịu lao động mà muốn có tài sản để tiêu xài theo sự ham muốn cá nhân của mình, nên thúc đẩy và đưa bị cáo vào đường phạm tội. Trục tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phải xác định đến tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo phạm tội 02 lần là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án nhiều lần về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý về hành vi trộm cắp tài sản đồng thời bị cáo có nhân thân xấu, nhưng bị cáo không chịu sửa chữa khắc phục mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Do số tài sản bị cáo Nguyễn Văn Đ chiếm đoạt không thu hồi được, người bị hại bà Lê Thị X yêu cầu bị cáo Đ phải có nghĩa vụ bồi thường lại trị giá các tài sản đã bị chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thành phố Tân An, tổng số tiền phải bồi thường là 76.660.000 đồng. Xét thấy: Yêu cầu của người bị hại là có căn cứ, xét chấp nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị X số tiền là 76.660.000 đồng.

Riêng người bị hại bà Lê Thị T không yêu cầu bị cáo Đ phải có nghĩa vụ bồi thường lại trị giá tài sản đã bị chiếm đoạt, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của bà Tâm, bà Tâm không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Bình) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào các điểm c, g khoản 2, Điều 173; Điều 50; điểm g khoản 1, Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: B) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2019.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: B) với thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: B) phải có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại bà Lê Thị X số tiền là 76.660.000 đồng (bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: B) phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.833.000đ (ba triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Liên**





















